TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - H Phc**
Bản án số: 24/2019/HS-ST Ngày 02-10-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký ; 2.Ông: Lê Thanh Hải;

- Thư ký phiên toà: *Bà* Nguyễn Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-TA ngày 06 tháng 08 năm 2019 và 10/2019/QĐST-TA ngày 04 tháng 09 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hồ Đức T; Sinh ngày: 11/04/1985 tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Hồ Đức H và bà Lê Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị S – Sinh năm: 1986; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" 09 ngày, kể từ ngày 25/02/2019 đến ngày 06/03/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thị S; Sinh ngày: 20/06/1986 tại xã Cư Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị L; Chồng: Hồ Đức T – sinh năm: 1985; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn

"Tạm giữ" 09 ngày, kể từ ngày 25/02/2019 đến ngày 06/03/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Những người bị hại:*

1. Lê Thị Ph; Sinh năm: 1957; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

2. Lường Văn H; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

3. Nguyễn Trung H1; Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

4. Nguyễn Thị Th1; Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

5. Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

6. Lê Thị Th1; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

7. Nguyễn Ngọc Th2; Sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Lương Văn T; Sinh năm: 1982; Nơi cư trú: thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Nguyễn Văn H3; Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

3. Hồ Thị Th3; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: khu Phố Xuân Lưu, thị Trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2018, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Như Xuân tiếp nhận tố giác của một số hộ dân cư trú tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa về hành vi vay tiền nhưng đến hẹn không trả mà bỏ đi khỏi địa phương của vợ chồng Hồ Đức T và Nguyễn Thị S.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, để có tiền kinh doanh, buôn bán Hồ Đức T và Nguyễn Thị S đã vay tiền của những hộ dân sau:

1. Những khoản vay của Nguyễn Thị S: Ngày 03/02/2016 Nguyễn Thị S đến vay bà Lê Thị Ph, sinh năm 1957, trú tại thôn Lâm Chính, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền 10.000.000 đồng. S nhận tiền và viết giấy vay tiền vào sổ tay ghi chép của bà Ph.

Ngày 14/06/2016, Nguyễn Thị S và Hồ Đức T đến nhà Ông Lường Văn H, sinh năm 1964, trú tại thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân vay 30.000.000đồng. Cả T và S cùng ký vào giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 07/03/2017 sẽ trả lại số tiền vay.

Ngoài ra, trong năm 2016 Nguyễn Thị S còn đến gặp vợ chồng Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1980, chị Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1986 trú tại thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân để vay 63.000.000 đồng và có viết giấy vay nợ. S còn tham gia chơi hụi do chị Th1 làm chủ hụi, sau khi mua được hụi, S không đóng hụi nên với tư cách chủ hụi chị Th1 phải bỏ tiền cá nhân để trả cho những người khác. Hụi thứ nhất S chưa đóng 36.000.000 đồng, hụi thứ hai S chưa đóng 96.000.000đồng. Sau đó S trả bớt được 60.000.000đồng tiền chưa đóng hụi thứ hai chỉ còn nợ lại 36.000.000đồng. Đến ngày 06/09/2017 sau nhiều lần đòi nợ S không được, Anh H1 chị Th1 đã yêu cầu Hồ Đức T làm giấy nhận nợ các khoản vay này của S. Sau khi trao đổi với S qua điện thoại, Hồ Đức T đã đồng ý nhận các khoản nợ này với vợ chồng Anh H1, chị Th1. Tổng số nợ là 135.000.000đồng.

2. Những khoản vay nợ của Hồ Đức T:

Tháng 10 năm 2015, Hồ Đức T đến gặp bà Nguyễn Thị H sinh năm 1961 ở thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như xuân thỏa thuận và vay số tiền 90.000.000 đồng. Bà H đồng ý và giao tiền cho T. Sau đó, bà H đòi nhiều lần nhưng T không trả. Đến khoảng tháng 5/2017 T đến xin bà H tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, mỗi tháng T sẽ đưa cho bà H 2.000.000đồng, Bà H đồng ý. T đóng cho Bà H được 4 tháng với tổng số tiền là 8.000.000 đồng thì T không chơi hụi nữa mà trừ số tiền đã đóng vào tiền nợ. Đến ngày 06/09/2017, bà H gặp và yêu cầu T viết giấy nhận nợ số tiền 82.000.000 đồng, mỗi tháng T phải trả dần với số tiền 4.000.000 đồng.

Khoảng tháng 10/2016, Hồ Đức T thỏa thuận mua của Anh Lương Văn T, sinh năm 1982, trú tại thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân một đồi keo với số tiền 25.000.000đồng. Anh T yêu cầu T phải trả trước tiền để lấy tiền làm nhà nhưng do chỉ còn 9.000.000 đồng tiền mặt nên T thống nhất với Anh T sẽ trả số tiền còn thiếu bằng vật liệu xây dựng. Sau đó để có vật liệu xây dựng giao cho Anh T, T đến gặp chị Lê Thị Th1, sinh năm 1985 trú tại thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân bảo chị Th1 chở vật liệu xây dựng gồm gạch, xi

măng, cát đến nhà Anh T, hẹn sau khi bán cây keo xong sẽ trả tiền cho chị Th1. Chị Th1 đồng ý và thực hiện việc chuyển vật liệu xây dựng cho Anh T. Tổng số tiền vật liệu xây dựng chị Th1 đã chuyển là 10.000.000 đồng.

Tháng 10/2017 Hồ Đức T đến gặp Ông Nguyễn Ngọc Th2, sinh năm 1963, trú tại thôn Thanh Vân, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 55.000.000 đồng và làm giấy nhận nợ. Hẹn đến ngày 20/11/2017 sẽ trả lại.

Như vậy, cộng những khoản vay riêng và vay chung với Nguyễn Thị S số tiền 30.000.000 đồng của Ông Lường Văn H, sinh năm 1964 trú tại thôn Lâm chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân. Tổng số tiền mà Hồ Đức T nợ là 177.000.000đồng.

Quá thời hạn đã hẹn nhưng không thấy Hồ Đức T và Nguyễn Thị S trả nợ nên ông Nguyễn Ngọc Th2, Ông Lường Văn H, Bà Lê Thị Ph, chị Lê Thị Th1, Anh Nguyễn Trung H1, chị Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần tìm gặp T và S để đòi nợ nhưng T và S vẫn cố tình không trả. Đến đầu năm 2018, T và S không báo với chính quyền địa phương, cắt đứt mọi liên hệ với các chủ nợ, đã bỏ trốn để chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã vay. Sau khoảng 1 năm không tìm được T và S để đòi nợ. Cuối năm 2018 Ông Nguyễn Ngọc Th2, Ông Lường văn H, bà Lê Thị Ph, chị Lê Thị Th1, Anh Nguyễn Trung H1, chị Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị H gửi đơn tố giác hành vi vi phạm của T và S đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Như Xuân.

Ngày 24/01/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Như Xuân đã ra quyết định truy nã đối với Hồ Đức T và Nguyễn Thị S. Đến ngày 25/02/2019, T và S đã ra đầu thú. Trong quá trình điều tra, Hồ Đức T và Nguyễn Thị S đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được những khoản vay nêu trên, Hồ Đức T và Nguyễn Thị S còn vay tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Như Xuân số tiền 52.000.000 đồng, hiện nay chưa trả. Tuy nhiên, khoản vay này theo quan điểm của đại diện phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Như Xuân vẫn trong thời hạn trả, hai bên sẽ tự giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

Về vật chứng: Toàn bộ giấy tờ vay, nhận nợ do Hồ Đức T và Nguyễn Thị S lập được những người bị hại cung cấp được đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hồ Đức T và Nguyễn Thị S đã trả lại cho bà Lê Thị Ph số tiền 10.000.000 đ, bà Nguyễn Thị H số tiền 82.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc Th2 số tiền 55.000.000đ, gia đình anh Nguyễn Trung H1 và chị Nguyễn Thị Th1 số tiền 136.000.000đ, ông Lường Văn H số tiền 15.000.000đ. Những người bị hại nêu trên đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả

hai bị cáo T và S. Hiện tại bị cáo T và S còn nợ của ông Lường Văn H số tiền 15.000.000đ chưa trả hết.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-KSĐT ngày 23/06/2019 của Viện trưởng VKS huyện Như Xuân đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị S, Hồ Đức T về tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS năm 2015; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S, Hồ Đức T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S và Hồ Đức T mức án từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng.

- Không áp dụng khoản 5 Điều 175 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo.

- Về dân sự: Buộc các bị cáo Hồ Đức T và Nguyễn Thị S liên đới trả cho ông Lường Văn H số tiền 15.000.000đ

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Như Xuân.

Lời nói sau cùng, Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của người tham gia tố tụng khác, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác minh của Công an huyện Như Xuân; đơn đề nghị, đơn trình bày người bị hại, Biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng nên có đủ

cơ sở để kết luận: Từ khoảng năm 2015 đến năm 2017, để có vốn làm ăn kinh doanh, Hồ Đức T và Nguyễn Thị S đã vay tiền của một số hộ dân sinh sống trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

Tổng số tiền Hồ Đức T vay là 177.000.000 đồng, trong đó: của bà Nguyễn Thị H số tiền 82.000.000đồng, của Ông Lường Văn H số tiền 30.000.000đồng, của chị Lê Thị Th1 số tiền 10.000.000đồng, của Ông Nguyễn Ngọc Th2 số tiền 55.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị S vay là 175.000.000 đồng trong đó: của bà Lê Thị Ph số tiền 10.000.000 đồng. Ông Lường Văn H số tiền là 30.000.000 đồng, của vợ chồng Anh Nguyễn Trung H1, chị Nguyễn thị Th1 số tiền là 135.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền không có khả năng trả nợ, Đến đầu năm 2018, Hồ Đức T và Nguyễn Thị S đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị S đủ yếu tố cấu T tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy cần thiết phải có hình phạt tương ứng phù hợp đối với từng bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, sau khi bị truy nã đã ra đầu thú. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải tr□ớc lỗi lầm đã phạm và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo đã tích cực bồi tH3 thiệt hại, khắc phục phần lớn hậu quả, được các bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên khi lượng hình cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

[4] Xét về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập tH3 xuyên, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn, sau khi lo trả nợ khắc phục hậu quả đã lâm vào tình trạng suy kiệt kinh tế. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Xét về phần dân sự: Tại phiên tòa tất các bị hại vắng mặt, lời khai và tài liệu trong hồ sơ đã thể hiện việc các bị cáo chỉ còn nợ lại của ông Lường Văn H số tiền 15.000.000đ. Đối với các bị hại khác gồm Bà Lê Thị Ph, anh Nguyễn Trung H1, chị Nguyễn Thị Th1, bà Nguyện Thị H, chị Lê Thị Th1 và ông Nguyễn Ngọc Th2 đã nhận

đủ số tiền cho vay, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với khoản nợ còn lại của ông Lường Văn H, đây là khoản nợ chung của bị cáo T và S nên HĐXX buộc các bị cáo T và S liên đới trả nợ cho ông Lường Văn H.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự; Các bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Đức T và Nguyễn Thị S phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".*

1. Xử phạt: Bị cáo Hồ Đức T 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị S 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hồ Đức T và Nguyễn Thị S cho UBND xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về phần dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 của BLDS. Buộc các bị cáo phải trả cho người bị hại là ông Lường Văn H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo chưa thanh toán hết số tiền trên cho người bị hại thì các bị cáo phải chịu tiền lãi xuất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH3 vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo Hồ Đức T và Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (Ba trăm bảy lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, vắng mặt toàn bộ những người bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Trại giam CA tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn